SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP; Thời gian ký: 2026-02-27T15:53:36+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 208 /KH-UBND	*Đồng Tháp, ngày 27 tháng 02 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hoá giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Quyết định số 9530/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa một cách chủ động, đồng bộ và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu tình trạng thoái hóa đất và các biểu hiện sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh.

Bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái tự nhiên; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý bền vững tài nguyên rừng, nguồn nước và đất đai của tỉnh; từng nước ổn định, nâng cao đời sống và thu nhập cho người dân góp phần giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện phải được tiến hành khoa học, hiệu quả, trên cơ sở hệ thống chính sách, pháp luật thống nhất, đồng bộ.

Nội dung kế hoạch phải được lồng ghép chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch của các ngành và địa phương.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và sự tham gia của cộng đồng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đảm bảo tính khả thi và bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh ở các mức độ và nguyên nhân; tăng mật độ các trạm khí tượng thủy văn phục vụ

theo dõi, giám sát và dự báo, cảnh báo sớm.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch các khu vực sa mạc hóa theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất thông qua sử dụng bền vững đất đai; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước; giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 1,2%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

2. Mục tiêu đến năm 2050

Phục hồi một phần diện tích đất bị thoái hóa nhẹ, trung bình và ngăn ngừa sự gia tăng đất thoái hóa nặng, góp phần đạt mục tiêu chống sa mạc hóa trên cả nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa ở các mức độ và nguyên nhân phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và theo dõi, giám sát

Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, khoanh vùng các khu vực đất bị sa mạc hóa, thoái hóa đất.

Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ phân vùng nguy cơ sa mạc hóa, thoái hóa đất làm cơ sở cho công tác quản lý, quy hoạch và triển khai các giải pháp phòng, chống phù hợp.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.

1.2. Tăng cường phòng, chống sa mạc hóa thông qua tuyên truyền, nghiên cứu, đào tạo và tập huấn

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phòng, chống sa mạc hóa, nhất là phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, mất rừng, cháy rừng; nghiên cứu phát triển và chuyển giao các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, chịu mặn.

Tập huấn tăng cường năng lực chuyên môn về nhận biết, điều tra, đánh giá và xác định khu vực bị sa mạc hóa, thoái hóa đất; khai thác thông tin, dữ liệu từ hệ thống dự báo, cảnh báo sa mạc hóa.

Tập huấn tăng cường năng lực về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; sản xuất phát thải thấp; sản xuất nông nghiệp tuần hoàn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng để giảm thiểu và thích ứng với sa mạc hóa.

Tập huấn ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại trong quản lý, bảo vệ, điều tra, giám sát, kiểm kê tài nguyên rừng; tài nguyên đất đai; tài nguyên nước.

Tập huấn biện pháp kỹ thuật cải tạo, phục hồi đất bị thoái hoá do các nguyên nhân khác nhau.

1.3. Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất; trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm tại các khu vực đất bị thoái hóa

Xây dựng, nâng cấp, tu sửa hệ thống hồ chứa nước đa mục tiêu đảm bảo tưới tiêu nước; hệ thống đê bao, cửa cống, kênh rạch phòng, chống thiếu nước, xâm nhập mặn và nhiễm phèn.

Xây dựng, nâng cấp, tu sửa, trang bị thiết bị hiện đại cho các trạm khí tượng thuỷ văn đảm bảo phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm hạn hán, ngập úng, xâm nhập mặn,…

1.4. Tăng cường công tác điều tra, theo dõi các nguyên nhân sa mạc hóa và giải pháp phục hồi, cải tạo, ngăn ngừa

Điều tra, xác định các nguyên nhân sa mạc hoá, đánh giá tác động, rủi ro và giải pháp phòng, chống.

Điều tra, phân chia điều kiện lập địa theo mức độ thích hợp cho các loài cây trồng nông nghiệp và lâm nghiệp thích ứng với điều kiện khô hạn và thoái hoá đất.

Điều tra, đánh giá, phân vùng, phân cấp khí tượng thuỷ văn và cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, hạn hán tại các khu vực sa mạc hoá.

1.5. Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hoá thông qua các biện pháp canh tác nông, lâm nghiệp thông minh

Xây dựng, nhân rộng các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng phát thải thấp, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ áp dụng giải pháp khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi số, liên kết chuỗi sản xuất nông nghiệp, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp,...

Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái.

Phát triển sản xuất theo hướng thâm canh, công nghệ cao, ứng dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt, mở rộng diện tích lúa chất lượng cao; phát triển vùng sản xuất rau, hoa, cây cảnh, ăn quả, thủy sản

Chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác, thích ứng với điều kiện khô hạn, nhiễm mặn và nhiễm phèn theo hướng "thuận thiên".

1.6. Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước

Tăng cường đầu tư cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nghiên cứu khoa học, khuyến lâm, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp phù hợp.

Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sinh sống gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; sản xuất lâm nghiệp thâm canh, phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

Thực hiện chuyển đổi số trong theo dõi, quản lý tài nguyên rừng và phòng

cháy, chữa cháy rừng.

2. Giải pháp

2.1. Về cơ chế, chính sách

Lồng ghép nội dung chống sa mạc hóa vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.

Rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách khuyến khích sử dụng đất bền vững, sản xuất nông nghiệp sinh thái.

Ưu tiên bố trí ngân sách cho các chương trình cải tạo đất, bảo vệ hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên nguồn lực cho các vùng, khu vực có nguy cơ thoái hóa đất cao.

2.2. Về ứng dụng khoa học và công nghệ

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững; sử dụng giống cây trồng chịu hạn, chịu mặn, thích nghi với điều kiện khí hậu biến đổi.

Áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, giảm phát thải, tiết kiệm nước; nhân rộng các mô hình canh tác hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn.

Ứng dụng công nghệ số, hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong theo dõi, quản lý tài nguyên đất, nước.

2.3. Về quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước

Tổ chức điều tra, phân loại mức độ suy thoái đất, tập trung vào các khu vực có nguy cơ cao như: vùng đất phèn, đất mặn, đất bị thoái hóa hữu cơ; xây dựng bản đồ suy thoái đất làm cơ sở quản lý.

Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, thủy văn và biến đổi khí hậu. Hạn chế canh tác độc canh cây trồng, sản xuất lúa nhiều vụ liên tục gây suy kiệt đất; khuyến khích các mô hình sản xuất luân canh, xen canh.

Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn. Tăng cường các biện pháp trữ nước ngọt, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng nước mặt và nước dưới đất; nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống thủy lợi, chủ động điều tiết nguồn nước.

2.4. Về bảo vệ, phát triển hệ sinh thái rừng và đất ngập nước

Tăng cường bảo vệ diện tích rừng hiện có, đặc biệt hệ sinh thái đất ngập nước tại Vườn quốc gia Tràm Chim, rừng phòng hộ ven biển; ngăn chặn phá rừng, cháy rừng và khai thác rừng trái pháp luật.

Chú trọng công tác phát triển rừng đặc biệt đối với rừng phòng hộ ven biển; thực hiện quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài

nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học; chú trọng phát triển lâm nghiệp đa mục đích (gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ); nông, lâm, ngư kết hợp.

Trồng cây xanh phân tán, ưu tiên các loài cây bản địa, chịu ngập, chịu hạn tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng khu vực.

2.5. Về truyền thông và nâng cao nhận thức

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân về nguyên nhân, tác hại của sa mạc hóa, thoái hóa đất. Phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động.

Tổ chức đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong bảo vệ tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái tự nhiên, phòng, chống sa mạc hóa.

2.6. Về hợp tác và huy động nguồn lực

Tăng cường hợp tác với các tổ chức khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên cứu các mô hình sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ trong phòng, chống sa mạc hóa, thoái hóa đất.

Tranh thủ nguồn hỗ trợ từ Trung ương và các tổ chức quốc tế cho các chương trình, dự án liên quan; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng dân cư.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Huy động nguồn vốn

Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách; các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án liên quan đến biến đổi khí hậu và phát triển nông nghiệp bền vững.

Khuyến khích hợp tác công tư (PPP) trong phục hồi đất và phát triển các mô hình canh tác bền vững; lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án liên quan để thực hiện Kế hoạch; kêu gọi tài trợ từ các tổ chức quốc tế và đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp, cá nhân.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư

Ưu tiên vốn cho các nhiệm vụ trọng điểm như xây dựng hạ tầng thủy lợi điều tiết phèn, mặn và các mô hình trình diễn phục hồi đất.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn, đảm bảo đúng mục đích và lộ trình của Chương trình hành động.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện Kế hoạch; lồng ghép nội dung chống sa mạc hóa vào các chương trình, dự

án ngành nông nghiệp, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng suy thoái đất, nguy cơ sa mạc hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ phân vùng rủi ro trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn, triển khai các biện pháp kỹ thuật trong cải tạo, phục hồi đất bị suy thoái; quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước.

Định kỳ hàng năm, hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan cân đối và tham mưu bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan lồng ghép các nhiệm vụ chống sa mạc hóa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tham mưu huy động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho các chương trình, dự án liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ trong cải tạo đất, quản lý nước và sản xuất nông nghiệp bền vững.

Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng, nhân rộng các mô hình khoa học công nghệ phục vụ phòng, chống sa mạc hóa, thoái hóa đất.

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến thông tin về phòng, chống sa mạc hóa trên các phương tiện truyền thông; phổ biến các mô hình, kinh nghiệm, giải pháp hiệu quả trong sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái tự nhiên.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cụ thể phù hợp với điều kiện, đặc thù của địa phương.

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ trên địa bàn; tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái tự nhiên, phòng, chống sa mạc hóa, thoái hóa đất.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh

Phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch; theo chức năng, nhiệm vụ lồng ghép nội dung chống sa mạc hóa trong chương trình, kế hoạch của ngành, cơ quan, đơn vị.

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức và nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức, cộng đồng về bảo vệ tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái tự nhiên, phòng, chống sa mạc hóa, thoái hóa đất.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT(T. Tài).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục

NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA CHỐNG SA MẠC HÓA GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Kế hoạch số 208 /KH-UBND ngày 27 / 02 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	**Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa ở các mức độ và nguyên nhân phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và theo dõi, giám sát**			
1	Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, khoanh vùng các khu vực đất bị sa mạc hóa, thoái hóa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2028
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ phân vùng nguy cơ sa mạc hóa, thoái hóa đất làm cơ sở cho công tác quản lý, quy hoạch và triển khai các giải pháp phòng, chống phù hợp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2027-2028
3	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2028-2030
II	**Tăng cường phòng, chống sa mạc hóa thông qua tuyên truyền, nghiên cứu, đào tạo và tập huấn**			
1	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phòng, chống sa mạc hóa, nhất là phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, mất rừng, cháy rừng; nghiên cứu phát triển và chuyển giao các giống cây trồng có khả năng chịu hạn, chịu mặn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND xã, phường	2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Tập huấn tăng cường năng lực chuyên môn về nhận biết, điều tra, đánh giá và xác định khu vực bị sa mạc hóa, thoái hóa đất; khai thác thông tin, dữ liệu từ hệ thống dự báo, cảnh báo sa mạc hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2030
3	Tập huấn tăng cường năng lực về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; sản xuất phát thải thấp; sản xuất nông nghiệp tuần hoàn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng để giảm thiểu và thích ứng với sa mạc hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2030
4	Tập huấn ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại trong quản lý, bảo vệ, điều tra, giám sát, kiểm kê tài nguyên rừng; tài nguyên đất đai; tài nguyên nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2031-2035
5	Tập huấn biện pháp kỹ thuật cải tạo, phục hồi đất bị thoái hoá do các nguyên nhân khác nhau.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2031-2035
6	Xây dựng các sản phẩm truyền thông của tỉnh; đẩy mạnh công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về phòng, chống, khắc phục sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, Báo và phát thanh truyền hình Đồng Tháp, UBND xã, phường	2026-2035
III	**Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất; trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm tại các khu vực đất bị thoái hóa**			
1	Xây dựng, nâng cấp, tu sửa trang bị thiết bị hiện đại cho các trạm khí tượng thuỷ văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2050

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm hạn hán, ngập úng, xâm nhập mặn,…			
2	Xây dựng, nâng cấp, tu sửa hệ thống hồ chứa nước đa mục tiêu đảm bảo tưới tiêu nước; hệ thống đê bao, cửa cống, kênh rạch phòng, chống thiếu nước, xâm nhập mặn và nhiễm phèn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2027-2050
IV	**Tăng cường công tác điều tra, theo dõi các nguyên nhân sa mạc hóa và giải pháp phục hồi, cải tạo, ngăn ngừa**			
1	Điều tra, xác định các nguyên nhân sa mạc hoá, đánh giá tác động, rủi ro và giải pháp phòng, chống.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2028
2	Điều tra, phân chia điều kiện lập địa theo mức độ thích hợp cho các loài cây trồng nông nghiệp và lâm nghiệp thích ứng với điều kiện khô hạn và thoái hoá đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2030
3	Điều tra, đánh giá, phân vùng, phân cấp khí tượng thuỷ văn và cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, hạn hán tại các khu vực sa mạc hoá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2030
V	**Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hoá thông qua các biện pháp canh tác nông, lâm nghiệp thông minh**			
1	Xây dựng, nhân rộng các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng phát thải thấp, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ áp dụng giải pháp khoa học công nghệ, chuyển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội Nông dân tỉnh; UBND xã, phường	2026-2050

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi số, liên kết chuỗi sản xuất nông nghiệp, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp,...			
2	Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2050
3	Phát triển sản xuất theo hướng thâm canh, công nghệ cao, ứng dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt, mở rộng diện tích lúa chất lượng cao; phát triển vùng sản xuất rau, hoa, cây cảnh, ăn quả, thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2050
4	Chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác, thích ứng với điều kiện khô hạn, nhiễm mặn và nhiễm phèn theo hướng "thuận thiên".	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường	2026-2050
VI	**Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước**			
1	Tăng cường đầu tư cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nghiên cứu khoa học, khuyến lâm, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp phù hợp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã có rừng	2026-2050
2	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã có rừng	2026-2050

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	các hộ gia đình sinh sống gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; sản xuất lâm nghiệp thâm canh, phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.			
3	Thực hiện chuyển đổi số trong theo dõi, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã có rừng	2026-2050